

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2020/HS-ST**

Ngày: 21 - 8 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và ông Nguyễn Hồng Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 80/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Phương Q, sinh năm 1980, tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp S Đ, phường T X, thành phố Đ X, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954 và bà Võ Thị Xuân N, sinh năm 1953; chồng: Đã ly hôn; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2004 và con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/12/2019 đến nay. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1979, tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Ấp P L 1, xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954 và bà Võ Thị Xuân N, sinh năm 1953; chồng: Đã ly hôn; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2019 đến ngày 21/01/2020 thì thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Chị Lê Hồng G, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp G H, xã T L, huyện B Đ, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

+ Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu phố X, phường X T,

thành phố L K, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

+ Bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp 8, xã T T, huyện C T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt);

+ Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp T L 1, xã P T, huyện T P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

+ Anh Đặng Văn P, sinh năm 1998, địa chỉ: Ấp P C, xã P B, huyện T Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 45 phút, ngày 18 tháng 12 năm 2019, lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú tiến hành kiểm tra Phòng số 3 và số 4 nhà nghỉ K N thuộc Tổ 8, ấp P L 1, xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai do Nguyễn Thị Phương Q, sinh năm 1980 quản lý, phát hiện và bắt quả tang 02 đôi nam nữ đang thực hiện hành vi mua bán dâm, tại Phòng số 3: Có Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu phố 3, phường X T, thành phố L K, tỉnh Đồng Nai và Lê Văn Đ, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp T L 1, xã P T, huyện T P, tỉnh Đồng Nai và phòng số 4: Có Lê Hồng G, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp G H, xã T L, huyện B Đ, tỉnh Bến Tre và Đặng Văn P, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp P C, xã P B, huyện T P, tỉnh Đồng Nai.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ của Lê Hồng G 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J2, màu hồng, số thuê bao 0764.786.290 và 01 bao cao su hiệu Hello (chưa sử dụng).

- Thu giữ của Nguyễn Thị Kim H 02 bao cao su hiệu Comdom (chưa sử dụng);

- Thu giữ của Đặng Văn P số tiền mua dâm 400.000 đồng và Lê Văn Đ số tiền mua dâm là 400.000 đồng.

Qua quá trình điều tra làm rõ: Nguyễn Thị Phương Q là em ruột Nguyễn Thị Phương L. Năm 2009, L đến xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai mở quán cà phê Mỹ Dung và có thuê bà Nguyễn Thị Hằng N, sinh năm 1968, quê quán: Xã T T, huyện C T, tỉnh Bến Tre và chị Nguyễn Thị Kim H đến phụ bán nước. Đến tháng 11 năm 2019, Nguyễn Thị Phương Q đến thuê lại nhà nghỉ K N ở sát quán cà phê Mỹ Dung để kinh doanh nghỉ trọ. Trong thời gian bán nước tại quán cà phê Mỹ Dung, Nguyễn Thị Hằng N và Nguyễn Thị Kim H có hành vi thỏa thuận bán dâm với khách đến uống nước; giá bán dâm thỏa thuận đối với N là 200.000 đồng/lượt, đối với H từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng/lượt; khách đến quán uống nước phải trả cho quán số tiền từ 15.000 đồng đến 20.000 đồng/người (tùy vào loại nước uống). Sau khi thỏa thuận xong giá bán dâm, H và N dẫn khách mua dâm sang nhà nghỉ K N do Nguyễn Thị Phương Q quản lý để quan hệ tình dục. Khi bán dâm, Q, chị H và bà N thỏa thuận giá tiền phòng trong 01 giờ đồng hồ là 40.000 đồng đối với H và 30.000 đồng đối với N (vì N lớn tuổi, ít khách), số tiền bán dâm còn lại thì H và N được hưởng.

Nguyễn Thị Phương L chỉ thu tiền bán nước, không hưởng lợi gì trong số tiền bán dâm của H và Nga.

Buổi tối ngày 18 tháng 12 năm 2019, Lê Văn Đ và Đặng Văn P đến quán cà phê Mỹ Dung để uống nước. Lúc này, ở quán có Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị Hằng N phục vụ việc bán nước. Tại đây, H và Đ, P thỏa thuận giá cả mua bán dâm với nhau là 400.000 đồng/lượt; do bà N lớn tuổi nên khách không đồng ý mua dâm mà yêu cầu gái trẻ đẹp. Do L và G thỏa thuận mỗi lần L môi giới cho G bán dâm cho khách xong thì đưa cho L 50.000 đồng tiền môi giới. Vì vậy, L gọi điện thoại cho Lê Hồng G đến để bán dâm cho Đặng Văn P. Nhận được điện thoại của L, G đến quán cà phê Mỹ Dung gặp Đặng Văn P và cùng Phúc vào Phòng số 4; còn H và Đỉnh vào Phòng số 3 nhà nghỉ K N để quan hệ tình dục thì bị lực lượng cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Về hành vi chứa mại dâm của Nguyễn Thị Phương Q:

Nguyễn Thị Phương Q biết Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Hằng Nga, Lê Hồng G là gái bán dâm và đã để cho H, Nga, G nhiều lần thuê phòng tại nhà nghỉ do mình quản lý để bán dâm. Từ đầu tháng 11 năm 2019 đến ngày 18 tháng 12 năm 2019, Q đã thu lợi của H khoảng 10 lần, mỗi lần 40.000 đồng tiền phòng với số tiền 400.000 đồng; thu lợi của Nguyễn Thị Hằng N khoảng 7 lần, mỗi lần 30.000 đồng, tương đương số tiền 210.000 đồng; thu lợi của Lê Hồng G 01 lần được 40.000 đồng. Riêng ngày 18 tháng 12 năm 2019, H và G thuê phòng để bán dâm cho khác chưa thu lợi gì thì bị bắt quả tang.

Về hành vi môi giới mại dâm của Nguyễn Thị Phương L:

Lê Văn Đ khai nhận: Trước ngày 18 tháng 12 năm 2019 khoảng 3 đến 4 ngày, Đỉnh có đến quán cà phê Mỹ Dung để mua dâm và chủ quán là Nguyễn Thị Phương L có gọi Lê Hồng G đến để bán dâm cho Đỉnh với giá 400.000 đồng. Sau đó, G trả tiền phòng 40.000 đồng và đi sang quán cà phê Mỹ Dung đưa cho chủ quán số tiền 50.000 đồng. Vào ngày 18 tháng 12 năm 2019, L gọi G đến để bán dâm thì bị bắt quả tang.

Lê Hồng G khai nhận: Giữa G và L có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội. L có bán nước hoa và G đã mua nước hoa của L nhiều lần. Trước ngày 18 tháng 12 năm 2019 khoảng 10 ngày thì L có gọi điện thoại cho G đến quán để xem nước hoa nhưng do đến muộn nên không gặp L. Lúc này, G thấy anh Lê Văn Đ nằm võng nên đến hỏi và tự thỏa thuận giá mua dâm là 400.000 đồng. Sau đó, G và Đỉnh sang nhà nghỉ K N quan hệ tình dục. G trả tiền phòng cho Q 40.000 đồng và đi về. Hôm sau, G đến quán trả tiền mua nước hoa và đưa L 50.000 đồng tiền môi giới bán dâm hôm trước nhưng L không lấy. G khai nhận L chỉ gọi điện thoại cho G đến bán dâm cho khách 01 lần vào ngày 18 tháng 12 năm 2019 thì bị bắt quả tang.

Nguyễn Thị Kim H khai nhận: Vào tháng 11 năm 2019, H đến quán của L để phụ L bán nước và tự thỏa thuận bán dâm cho khách được khoảng 10 lần với giá từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng/lượt, tiền phòng trả cho Q 40.000 đồng, số còn lại 360.000 đồng thì H hưởng. Vào khoảng 19 giờ ngày 18 tháng 12 năm 2019, có 04 khách nam đến quán uống nước, trong đó có 02 khách thỏa thuận với H và đồng ý bán dâm với giá 400.000 đồng/người. Lúc khách hỏi thì L cũng có mặt ở đó và L đã gọi thêm một G để cùng H đến để bán dâm cho 02 khách nam. Cả H, G và 02 khách

mua dâm (Đỉnh và Phúc) đến nhà nghỉ K N gặp Q thì được Q chỉ vào Phòng số 3 và số 4. H dẫn khách nam vào phòng số 03, còn G dẫn khách nam vào phòng số 4, chưa kịp quan hệ tình dục thì bị bắt quả tang, không có ai dẫn dắt hay môi giới cho H bán dâm cho khách.

Nguyễn Thị Hằng N khai nhận: Hàng ngày, N đến quán phụ L bán nước giải khát từ 08 giờ đến 21 giờ. Khi bán nước thì N còn tự thỏa thuận bán dâm cho khách, giá bán dâm là 200.000 đồng/lượt tại nhà nghỉ K N, mỗi lần bán dâm trả tiền phòng cho Q 30.000 đồng, số còn lại N được hưởng, N bán dâm cho khách vài lần (không nhớ cụ thể). Q biết rõ N vào thuê phòng để bán dâm, còn L không lấy tiền của Nga.

Nguyễn Thị Phương L khai nhận: L là chủ quán cà phê Mỹ Dung và chỉ bán nước giải khát. H và N đến quán phụ bán nước và dọn dẹp vệ sinh. L không tham gia vào việc bán dâm của H và Nga, không thu lợi gì từ việc bán dâm của H, Nga. Lê Hồng G đến quán cà phê nhiều lần mua bán nước hoa. L biết G cũng là gái bán dâm nên tối ngày 18 tháng 12 năm 2019, L có gọi điện thoại cho G đến quán cà phê Mỹ Dung để thỏa thuận bán dâm cho khách. Sau đó, G bán dâm tại nhà nghỉ K N thì bị bắt quả tang. L chưa thu lợi gì từ G.

Cáo trạng số: 67/CT-VKSTP-ĐN ngày 04/06/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị cáo Nguyễn Thị Phương Q về tội: “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Thị Phương L về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Thị Phương Q phạm tội: “Chứa mại dâm” và bị cáo Nguyễn Thị Phương L phạm tội “Môi giới mại dâm”.

- Về mức hình phạt:

Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Phương Q từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Thị Phương L từ 01 (một) năm 06 (sáu) đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 400.000 đồng của Đặng Văn P và 400.000 đồng của Đặng Văn Đ là số tiền có liên quan đến các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm; trả lại cho Lê Hồng G 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J2, màu hồng, số thuê bao 0764.786.290 là phương tiện giao tiếp hàng ngày không trực tiếp liên quan đến tội phạm; tịch thu tiêu hủy 04 bao cao su chưa qua sử dụng, do không còn giá trị sử dụng.

Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 650.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị Phương Q thu lợi bất chính do phạm tội mà có.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Lời khai của các bị cáo trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật; các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự:

[2.1]. Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Thị Phương Q biết rõ Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Hằng N, Lê Hồng G là gái bán dâm. Trong thời gian từ đầu tháng 11 năm 2019 đến ngày 18 tháng 12 năm 2019, Q đã hơn 17 lần đồng ý cho Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Hằng N và Lê Hồng G thuê nhà nghỉ K N tại ấp P L 1, xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thuộc quyền quản lý của mình để bán dâm, thu lợi tổng số tiền 650.000 đồng. Nguyễn Thị Phương L là chủ quán cà phê Mỹ Dung đã có hành vi gọi điện thoại cho Lê Hồng G là gái bán dâm 01 lần đến nhà nghỉ K N để bán dâm cho khách vào ngày 18 tháng 12 năm 2019 thì bị bắt quả tang.

Hành vi do bị cáo Nguyễn Thị Phương Q thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Hành vi mà bị cáo Nguyễn Thị Phương L thực hiện có đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự. Tội danh mà Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn, công cộng và ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh trong xã hội và tình hình trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ nhận thức và điều khiển hành vi của mình và nhận biết được những tác động tiêu cực từ tệ nạn mại dâm nhưng muốn thu lợi bất chính nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó phải xử lý các bị cáo theo pháp luật hình sự là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Cần tuyên mức án tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, răn đe các bị cáo trở thành công dân tốt có ích và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

[2.3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Bị cáo L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Từ nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định mức án phù hợp đối với các bị cáo, nhằm nâng cao tính giáo dục và thể hiện sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật.

Do bị cáo Nguyễn Thị Phương L có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ, nhằm nâng cao tính giáo dục pháp luật và thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương Q nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, phạm tội rất nghiêm trọng nên xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục và răn đe đối với bị cáo, trở thành người công dân tốt.

Tòa án mở phiên tòa xét xử công khai vụ án nhằm xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo và tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 400.000 đồng của Đặng Văn P và 400.000 đồng của Đặng Văn Đ là số tiền có liên quan đến các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm;

Trả lại cho Lê Hồng G 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J2, màu hồng, số thuê bao 0764.786.290;

Tịch thu tiêu hủy: 04 bao cao su chưa qua sử dụng là vật liên quan đến việc phạm tội do không còn giá trị sử dụng là đúng pháp luật.

Số tiền 650.000 đồng thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà bị cáo Nguyễn Thị Phương Q nên tịch thu để sung công quỹ nhà nước là đúng pháp luật.

[4]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5]. Đối với các vấn đề khác: Hành vi mua dâm của Đặng Văn P, Lê Văn Đ và hành vi bán dâm của Nguyễn Thị Hằng Nga, Nguyễn Thị Kim H và Lê Hồng G đã bị Trưởng Công an huyện Tân Phú xử phạt vi phạm hành chính là đúng pháp luật nên không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm đ khoản 1 Điều 32, Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương Q;

Khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương L.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Nguyễn Thị Phương Q phạm tội “Chứa mại dâm”.
- Bị cáo Nguyễn Thị Phương L phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị Phương Q 05 (năm) tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Bị cáo Nguyễn Thị Phương L 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương L cho Ủy ban nhân dân xã P S, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) của Đặng Văn P và 400.000 đ (Bốn trăm nghìn đồng) của Đặng Văn Đ theo các Biên lại thu tiền số 002148 ngày 14/7/2020 và Biên lại thu tiền số 0003162 ngày 20/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú.

- Tịch thu tiêu hủy: 04 bao cao su chưa qua sử dụng là vật liên quan đến việc phạm tội do không còn giá trị sử dụng;

Trả lại cho Lê Hồng G 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J2, màu hồng, số thuê bao 0764.786.290;

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2020 giữa Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 650.000đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) mà bị cáo Nguyễn Thị Phương Q thu lợi bất chính theo Biên lại thu tiền số 0002143 ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA, Lưu HS, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam